

**KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH
lớp 6 trung học cơ sở và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 10 /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Công tác tổ chức tuyển sinh lớp 6 trung học cơ sở và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025 thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03 tháng 5 năm 2019, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông (THPT) chuyên theo Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 và Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- Đảm bảo công khai, minh bạch, đáp ứng được quyền học tập của học sinh. Tổ chức kỳ thi an toàn, khách quan, công bằng, đúng quy chế, đánh giá đúng chất lượng giáo dục học sinh, nhà trường và địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm khắc các hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh.

**II. TUYỂN SINH LỚP 6 TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ CÁC TRƯỜNG
PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

1. Phương thức tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở (THCS)

- Tuyển sinh THCS theo phương thức xét tuyển.

- Phòng GDĐT lập kế hoạch tuyển sinh THCS trình Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thành phố phê duyệt.

Trường hợp cơ sở giáo dục có số học sinh đăng ký vào học lớp 6 nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, các phòng GDĐT huyện, TP chỉ đạo cơ sở giáo dục lựa chọn và thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

- Đối với các trường tư thục; tổ chức xét tuyển hoặc lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Nguyên tắc tuyển sinh vào lớp 6 THCS

a) Vào trường phổ thông dân tộc nội trú (PT DTNT)

- Tuyển thẳng

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;

+ Học sinh tiểu học thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT đạt giải cấp tỉnh trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Tuyển sinh: Xét tuyển theo chỉ tiêu từng trường; Chỉ tuyển các học sinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) thuộc khu vực tuyển sinh đã quy định và một số vùng khó khăn khác được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép.

b) Vào các trường THCS và trường THPT có cấp THCS: Phòng GDĐT huyện, thành phố lập kế hoạch tuyển sinh THCS trình Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thành phố phê duyệt phương án tuyển sinh đảm bảo đúng đối tượng, vùng tuyển, chỉ tiêu được phân bổ, chỉ đạo các trường thông báo rộng rãi, hướng dẫn thủ tục hồ sơ và phối hợp chặt chẽ với các trường THPT có cấp THCS để tuyển sinh đảm bảo chất lượng.

3. Chỉ tiêu, khu vực và phương án tuyển sinh vào lớp 6 THCS

3.1. Đối với các trường phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT)

a) Chỉ tiêu, địa bàn

- Trường PTDTNT Pi Năng Tắc: 70 học sinh/2 lớp (học sinh huyện Bác Ái);

- Trường PTDTNT THCS Ninh Sơn: 70 học sinh/2 lớp (học sinh huyện Ninh Sơn);

- Trường PTDTNT THCS Thuận Bắc: 70 học sinh/ 2 lớp; gồm học sinh huyện Thuận Bắc (60 học sinh) và huyện Ninh Hải (10 học sinh).

- Trường PTDTNT THCS Ninh Phước: 70 học sinh/ 2 lớp; gồm học sinh huyện Ninh Phước (55 học sinh) và huyện Thuận Nam:(15 học sinh).

b) Vùng tuyển sinh

- Vùng 1: học sinh thuộc đối tượng tại điểm a) khoản 1 Điều 9 Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT.

- Vùng 2: học sinh thuộc đối tượng tại điểm b) khoản 1 Điều 9 Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT và vùng tạo nguồn cán bộ (theo Công văn số 1045/UBND-VXNV ngày 21/3/2023).

Vùng tuyển thực hiện theo danh mục các thôn, xã, phường, thị trấn khu vực I, II, III và bãi ngang giai đoạn 2021-2025 đã quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và Công văn số 1045/UBND-VXNV ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh.

c) Phương án, tỷ lệ tuyển sinh:

- Phương án: xét tuyển

- Tỷ lệ tuyển sinh theo vùng (ghi tại mục 3.1.b)

+ Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 trường PTDTNT theo từng huyện và quy chế tuyển sinh;

+ Trên cơ sở số lượng thí sinh thực tế đang theo học, Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện xác định tỷ lệ tuyển sinh theo từng vùng trong đó ưu tiên học sinh ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển; đồng thời chỉ đạo các trường trên địa bàn huyện thông báo rộng rãi, hướng dẫn thủ tục hồ sơ và phối hợp chặt chẽ với các trường PTDTNT có cấp THCS để tuyển sinh đảm bảo chất lượng.

3.2. Đối với các trường THCS và các trường liên cấp có cấp THCS còn lại

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Phòng GDĐT xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 cho từng trường THCS công lập (kể cả các trường liên cấp có cấp THCS) trên địa bàn trình UBND huyện, thành phố phê duyệt. Đảm bảo công tác phổ cập THCS.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT)

1.1. Đối tượng tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên;

b) Người học còn trong độ tuổi tuyển sinh theo quy định (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT);

c) Chỉ tuyển vào lớp 10 THPT học sinh học ngoại ngữ tiếng Anh.

d) Trường PTDTNT có cấp THPT: Chỉ tuyển các học sinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) thuộc khu vực tuyển sinh đã quy định và một số vùng khó khăn khác được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép.

1.2. Phương thức tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Đối với các trường Công lập

Thực hiện một trong 2 phương thức: thi tuyển và kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

- **Thi tuyển:** cho học sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (được tổ chức một lần với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập trên địa bàn tỉnh; tổ chức thi 03 môn chung: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh và thi các môn chuyên theo đăng ký). Điểm môn chuyên nhân hệ số 2, các môn còn lại hệ số 1.

- **Kết hợp thi tuyển với xét tuyển:** cho học sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT có cấp THPT và các trường công lập có cấp học THPT còn lại (tổ chức thi 03 môn: Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh). Sở GDĐT quy

định hệ số các môn thi và điểm xét tuyển.

b) Đối với các trường tư thục và các cơ sở GDTX: tổ chức xét tuyển hoặc lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và đáp ứng được nhu cầu học tập của người học.

1.3. Tuyển thẳng vào lớp 10 THPT

a) Vào Trường PT DTNT có cấp THPT

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;
- Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật.

b) Vào các trường THPT công lập

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người;
- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh khuyết tật;
- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Ghi chú: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn không tuyển thẳng.

2. Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 THPT

2.1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 THPT

- Tổng số học sinh lớp 9 THCS: **9.008** học sinh;
- Dự kiến tốt nghiệp THCS: 8.990 học sinh (99,8%);
- Học sinh giáo dục thường xuyên THCS: **246** học sinh;
- Dự kiến số học sinh THPT nghỉ học HKI và nghỉ học trong hè là **418** học sinh.

Tổng số học sinh tham gia phân luồng: 9.654 học sinh.

- Phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh các trường THPT công lập năm học 2024-2025: **6.490** học sinh/**9.654** học sinh; chiếm tỷ lệ 67,23%% giảm 1,27% so với cùng kỳ năm học 2023-2024.

- Số học sinh tốt nghiệp THCS còn lại vào các trường tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp là: **3.164** học sinh/**9.654** học sinh; chiếm tỷ lệ 32,77% tăng 1,27% so với cùng kỳ năm học 2023-2024.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể theo từng trường

a) Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn:

- Chỉ tiêu: **280** học sinh, bao gồm các lớp chuyên trong 9 môn chuyên: Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý và tiếng Anh.
- Căn cứ tình hình kết quả dự thi, Sở GDĐT xác định số lớp/môn chuyên

phù hợp theo tinh thần của Bộ GDĐT tại Thông tư 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023.

Lưu ý:

+ *Chỉ tổ chức thi tuyển môn chuyên có từ 40 thí sinh đăng ký dự thi (kể cả môn chuyên 2) trở lên.*

+ *Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể từng môn chuyên và số lớp môn chuyên do Hội đồng tuyển sinh Sở GDĐT xác định trên cơ sở thực tế kết quả kỳ thi tuyển sinh.*

b) Trường PTDTNT có cấp THPT

- Chỉ tiêu

- Trường PT DTNT THPT tỉnh: **105** học sinh/03 lớp; gồm học sinh của huyện Ninh Phước (33 học sinh), huyện Thuận Bắc (41 học sinh), huyện Ninh Sơn (7 học sinh), huyện Ninh Hải (7 học sinh), huyện Thuận Nam (16 học sinh).

- Trường PT DTNT Pi Năng Tắc: **70** học sinh/02 lớp; gồm học sinh của huyện Ninh Sơn (13 học sinh), huyện Bác Ái (57 học sinh).

Lưu ý:

+ *Chỉ tiêu các thôn, xã theo vùng được phân bổ trong phụ lục đính kèm.*

+ *Căn cứ tình hình thí sinh đăng ký dự thi, giao Sở GDĐT điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh theo từng vùng trong huyện, trên cơ sở ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.*

- Vùng tuyển sinh

+ Vùng 1: học sinh thuộc đối tượng tại điểm a) khoản 1 Điều 9 Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT.

+ Vùng 2: học sinh thuộc đối tượng tại điểm b) khoản 1 Điều 9 Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT và vùng tạo nguồn cán bộ (theo Công văn số 1045/UBND-VXNV ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh).

Vùng tuyển thực hiện theo danh mục các thôn, xã, phường, thị trấn khu vực I, II, III và bãi ngang giai đoạn 2021-2025 đã quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và Công văn số 1045/UBND-VXNV ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh.

- Tỷ lệ tuyển sinh

+ Trường PT DTNT THPT Ninh Thuận: Vùng 1 (Không dưới 60%), Vùng 2 (Không quá 40%).

+ Trường PT DTNT Pi Năng Tắc: Vùng 1 (Không dưới 93%), Vùng 2 (Không quá 7%).

Ghi chú: cách phân bổ chỉ tiêu

+ *Chỉ tiêu phân bổ trên được tính sau khi đã tuyển thẳng các đối tượng theo quy định;*

+ Học sinh thuộc đối tượng 3 (khoản 3 Điều 9 Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT) không quá 10% tổng số chỉ tiêu;

+ Điểm xét tuyển vùng 2 không thấp hơn vùng 1;

c) 17 trường THPT công lập còn lại: Chỉ tiêu **6.035** học sinh/139 lớp, Cụ thể:

| TT | Trường THPT công lập | Chỉ tiêu tuyển sinh | |
|-----|----------------------------|---------------------|--------------|
| | | Lớp | Số học sinh |
| 1. | THPT Chu Văn An | 15 | 660 |
| 2. | THPT Nguyễn Trãi | 15 | 660 |
| 3. | THPT Tháp Chàm | 15 | 660 |
| 4. | THCS,THPT Trần Hưng Đạo | 5 | 220 |
| 5. | THPT Ninh Hải | 10 | 440 |
| 6. | THPT Tôn Đức Thắng | 10 | 440 |
| 7. | THPT Phan Chu Trinh | 6 | 265 |
| 8. | THPT Lê Duẩn | 4 | 160 |
| 9. | THPT Nguyễn Du | 6 | 270 |
| 10. | THPT Trường Chinh | 8 | 360 |
| 11. | THPT An Phước | 10 | 450 |
| 12. | THPT Nguyễn Huệ | 8 | 360 |
| 13. | THPT Phạm Văn Đồng | 10 | 400 |
| 14. | THCS, THPT Nguyễn Văn Linh | 4 | 170 |
| 15. | THCS, THPT Đặng Chí Thanh | 4 | 180 |
| 16. | THPT Phan Bội Châu | 5 | 200 |
| 17. | THCS,THPT Bác Ái | 4 | 140 |
| | Tổng cộng | 139 | 6.035 |

d) Tuyển sinh vào các trường tư thục và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **3.164** học sinh.

+ Tuyển sinh vào các trường tư thục (hệ ngoài công lập): **120** học sinh.

+ Tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên: **3.044** học sinh.

2.3. Khu vực tuyển sinh vào lớp 10 THPT

| Cụm | Trường | Khu vực tuyển sinh |
|-----|---|--|
| 1 | THPT chuyên Lê Quý Đôn | Toàn tỉnh. |
| 2 | PT DTNT THPT tỉnh. | Học sinh 05 huyện: Thuận Bắc, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam và Ninh Sơn (gồm 4 xã: Nhơn Sơn, Mỹ Sơn, Quảng Sơn, Hòa Sơn). |
| 3 | PT DTNT Pi Năng Tắc | Học sinh 02 huyện: Bác Ái và Ninh Sơn (gồm 3 xã: Lâm Sơn, Lương Sơn, Ma Nối). |
| 4 | THCS, THPT Bác Ái | - Huyện Bác Ái; - Huyện Thuận Bắc (gồm 2 xã Phước Chiến, Phước Kháng); - Huyện Ninh Sơn (gồm 4 xã: Lương Sơn, Lâm Sơn, Ma Nối, Hòa Sơn và Thị trấn Tân Sơn). |
| 5 | THPT Trường Chinh THPT Nguyễn Du | - Huyện Ninh Sơn; - Huyện Bác Ái (gồm 2 xã: Phước Hòa, Phước Tiến). |
| | THPT Lê Duẩn | - Huyện Ninh Sơn; - Huyện Bác Ái (gồm 1 xã Phước Trung); - TP PR-TC (gồm 2 Phường: Đô Vinh, Bảo An). |
| 6 | THPT Chu Văn An THPT Tháp Chàm THPT Nguyễn Trãi THCS, THPT Trần Hưng Đạo | - TP Phan Rang-Tháp Chàm (TP PR-TC); - Huyện Ninh Phước (gồm 3 xã: An Hải, Phước Thuận, Phước Hải); - Huyện Thuận Nam (gồm 01 xã Phước Dinh). |
| 7 | THPT Ninh Hải | - Huyện Ninh Hải; - TP PR-TC (gồm 5 Phường: Văn Hải, Mỹ Bình, Mỹ Đông, Đông Hải, Mỹ Hải). |
| | THPT Tôn Đức Thắng | - Huyện Ninh Hải; - TP PR-TC (gồm 1 Phường Đài Sơn và 1 xã Thành Hải); - Huyện Thuận Bắc (gồm 1 xã Bắc Phong). |
| | THPT Phan Chu Trinh | - Huyện Ninh Hải; - Huyện Thuận Bắc. |
| 8 | THPT Phan Bội Châu | - Huyện Thuận Bắc; - Huyện Ninh Hải. |
| 9 | THPT Phạm Văn Đồng | - Huyện Ninh Phước; - TP PR-TC (gồm 2 Phường: Đô Vinh và Bảo An). |
| | THPT An Phước | - Huyện Ninh Phước; |

| Cụm | Trường | Khu vực tuyển sinh |
|------------|---|--|
| | | - Huyện Thuận Nam. |
| | THPT Nguyễn Huệ | - Huyện Ninh Phước; - Huyện Thuận Nam; - TP PR-TC (gồm 1 Phường Đạo Long). |
| 10 | THCS, THPT Nguyễn Văn Linh THCS, THPT Đặng Chí Thanh | - Huyện Thuận Nam; - Huyện Ninh Phước. |

2.4. Đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Về đăng ký dự tuyển vào lớp 10 trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

- Học sinh đủ điều kiện tuyển sinh được đăng ký **02** nguyện vọng: vào lớp môn chuyên 1, lớp môn chuyên 2 (không trùng lịch thi).

- Học sinh vừa đăng ký dự tuyển môn chuyên 1 là Toán vừa đăng ký dự tuyển môn chuyên 2 là Tin học thì chỉ thi môn chuyên Toán và sẽ sử dụng kết quả để xét tuyển lần lượt cho môn chuyên 1, môn chuyên 2.

- Học sinh (*nếu không trúng tuyển vào trường chuyên*) được đăng ký **02** nguyện vọng vào 02 trường THPT công lập khác nhau theo khu vực tuyển sinh quy định để xét tuyển.

b) Về đăng ký dự tuyển vào lớp 10 trường THPT công lập còn lại

- Học sinh được đăng ký **02** nguyện vọng vào 02 trường THPT công lập khác nhau trong khu vực tuyển sinh theo quy định để dự tuyển lớp 10 THPT.

- Học sinh đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 vào trường THPT công lập nào thì dự thi tại Hội đồng tuyển sinh của trường đó (kể cả trường PT DTNT THPT tỉnh và trường PT DTNT Pi Năng Tắc).

2.5. Nguyên tắc tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Học sinh thường trú hoặc tạm trú tại xã, phường, thị trấn thuộc khu vực tuyển sinh nào thì chỉ được đăng ký dự tuyển vào các trường THPT thuộc cụm tuyển sinh của khu vực tuyển sinh đó (*thí sinh chỉ được chọn một địa chỉ thường trú hoặc tạm trú để ghi hồ sơ tuyển sinh*).

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn chỉ tuyển học sinh thường trú tại tỉnh Ninh Thuận.

b) Tuyển theo chỉ tiêu được giao cho từng trường THPT và theo sắp xếp điểm xét tuyển từ cao xuống thấp; không quy định điểm chuẩn trúng tuyển của từng trường.

c) Thứ tự tuyển sinh:

- Tuyển sinh vào trường THPT chuyên trước rồi mới tuyển sinh vào các trường THPT công lập sau.

- Những học sinh không trúng tuyển vào trường THPT chuyên sẽ chuyển kết quả điểm bài thi về trường THPT đã đăng ký để tham gia xét tuyển.

- Tuyển sinh theo nguyện vọng 1 (viết tắt NV1):

+ Tuyển sinh vào các trường THPT công lập: Theo chỉ tiêu được giao và không dưới 80% chỉ tiêu của từng trường.

+ Tuyển sinh vào Trường PTDTNT có cấp THPT: Theo chỉ tiêu và tỷ lệ phân bổ (đã phân bổ tại bản Kế hoạch và Phương thức tuyển sinh này).

- Tuyển sinh theo nguyện vọng 2 (viết tắt NV2): Theo chỉ tiêu được giao và không quá 20% chỉ tiêu của từng trường (trừ trường hợp NV1 không đủ 80%) và có điểm trúng tuyển cao hơn nguyện vọng 1 từ 2 điểm trở lên.

- Tuyển sinh bổ sung: Trường hợp sau khi tuyển hết NV1 và NV2 vẫn còn chỉ tiêu hoặc sau khi xét tuyển đủ chỉ tiêu nhưng học sinh đến làm thủ tục nhập học không đạt theo chỉ tiêu giao thì thực hiện tuyển sinh bổ sung theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

d) Tuyển sinh lớp 10 trường THPT tư thục và hệ giáo dục thường xuyên: Giao cho các đơn vị tự chủ thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu, kế hoạch của từng đơn vị.

2.5. Thời gian thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Tháng 4,5/2024

- Tổ chức Hội nghị, tập huấn công tác tuyển sinh lớp 10 THPT.

- Ban hành các công văn hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh; thành lập các hội đồng tuyển sinh lớp 10 THPT; các trường THCS hướng dẫn học sinh và hoàn tất hồ sơ dự tuyển.

- Tổ chức hội đồng làm đề thi.

b) Tháng 6,7/2024

- Tổ chức coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo, xét tuyển, công bố kết quả tuyển sinh vào các trường THPT công lập.

- Ngày thi:

+ Trường THPT chuyên thi 03 ngày (từ ngày 01/6/2024 - 03/6/2024).

+ Các trường có cấp THPT còn lại thi 02 ngày (từ ngày 01/6/2024-02/2024).

- Môn thi:

+ Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh và các môn chuyên (đối với trường chuyên);

+ Ngữ văn, Toán và tiếng Anh đối với các trường công lập có cấp THPT còn lại.

- Lịch thi: giao Sở GDĐT quy định lịch thi cụ thể các môn.

- Thông báo kết quả điểm thi trong tháng 6/2024.

c) Tháng 8/2024: Các trường THPT báo cáo kết quả tuyển sinh về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ GDĐT.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Căn cứ Kế hoạch và Phương thức tuyển sinh đã được UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy chế;

b) Chỉ đạo kiểm tra công tác tuyển sinh của các phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy chế hiện hành của Bộ GDĐT;

c) Hướng dẫn thực hiện phương án tuyển sinh vào lớp 6 theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh khi có cơ sở giáo dục và phòng GDĐT đề xuất.

d) Thực hiện các giải pháp có hiệu quả để thực hiện đúng, đủ chỉ tiêu đã giao cho từng trường THPT công lập;

đ) Đảm bảo chính sách ưu tiên tuyển con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn vào học các trường PT DTNT trong toàn tỉnh;

e) Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế, Công an và chính quyền các địa phương xây dựng phương án đảm bảo an toàn trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh...

g) Báo cáo tình hình, kết quả tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh về UBND tỉnh và Bộ GDĐT đúng thời gian quy định.

2. Các sở ngành liên quan

Thực hiện theo nội dung nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị về tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm học 2024-2025 và kỳ thi tuyển sinh lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2024-2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Giao chỉ tiêu và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh lớp 6 cho các trường THCS trên địa bàn huyện, thành phố (kể cả trường liên cấp có cấp học THCS);

b) Chỉ đạo công tác tuyên truyền tuyển sinh lớp 6, lớp 10 các trường PT DTNT hợp lý, đảm bảo đủ nguồn tuyển sinh, góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi huyện, tỉnh;

c) Chỉ đạo Phòng GDĐT, các phường, xã, thị trấn và các trường tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch tuyển sinh đến giáo viên, học sinh, phụ huynh và xã hội, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai;

d) Chỉ đạo Phòng GDĐT tổ chức thực hiện và báo cáo về Sở GDĐT tình hình, kết quả tuyển sinh các lớp đầu cấp (lớp 6 và lớp 10) đúng thời gian yêu cầu./.

PHỤ LỤC

Chỉ tiêu phân bổ vào lớp 10 các trường Phổ thông dân tộc nội trú
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

| Trường có cấp THPT | Học sinh DTTS (lớp 9) | Số chỉ tiêu phân bổ | Tỷ lệ % theo vùng |
|---|------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| I. Trường PTDTNT Pi Năng Tắc | 466 | 70 | |
| Vùng 1 (các xã, thôn vùng ĐBK, bãi ngang) | 409 | 65 | 93% |
| Vùng 2 (các xã khu vực II, I vùng DTTS) | 57 | 5 | 7% |
| 1. Bác Ái | 359 | 57 | |
| Vùng 1: Gồm 9 xã (Phước Đại, Phước Thành, Phước Chính, Phước Trung, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Bình). | 359 | 57 | |
| Vùng 2: Không có | / | / | |
| 2. Ninh Sơn | 107 | 13 | |
| Vùng 1: Xã Ma Nối. | 50 | 8 | |
| Vùng 2: Các thôn còn lại xã Lâm Sơn, và xã Lương Sơn. | 57 | 5 | |
| II. Trường PTDTNT THPT tỉnh | 1.564 | 105 | |
| Vùng 1 (các xã, thôn vùng ĐBK, bãi ngang) | 318 | 63 | 60% |
| Vùng 2 (các xã khu vực II, I vùng DTTS) | 1.246 | 42 | 40% |
| 1. Ninh Sơn | 112 | 7 | |
| Vùng 1: Gồm 06 thôn ĐBK (Núi Ngõng; Láng Ngựa; Tân Định; Lương Giang; Mỹ Hiệp; Nha Húi). | 21 | 4 | |
| Vùng 2: Các thôn còn lại xã (Mỹ Sơn, Nhơn Sơn). | 91 | 3 | |
| 2. Thuận Bắc | 321 | 41 | |
| Vùng 1: Gồm 3 xã (Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Sơn) và 03 thôn ĐBK (Suối Đá; Kiên Kiên 2; Suối Vàng). | 188 | 37 | |
| Vùng 2: Các thôn còn lại xã (Lợi Hải, Công Hải). | 133 | 4 | |
| 3. Ninh Hải | 157 | 7 | |
| Vùng 1: Gồm thôn ĐBK: Đá Hang. | 9 | 2 | |
| Vùng 2: Gồm xã Xuân Hải và thôn Cầu Gậy. | 148 | 5 | |
| 4. Ninh Phước | 671 | 33 | |
| Vùng 1: Gồm các thôn ĐBK (Tà Dương; Liên Sơn 2) | 64 | 13 | |
| Vùng 2: Gồm 4 xã, 1 thị trấn (Phước Thái, Phước Hậu, Phước Hữu, Phước Hải, Phước Dân). | 607 | 20 | |
| 5. Thuận Nam | 294 | 16 | |
| Vùng 1: Gồm 2 xã (Phước Dinh, Phước Hà). | 36 | 7 | |
| Vùng 2: Gồm 2 xã (Phước Nam, Phước Ninh). | 267 | 9 | |